ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2763/QĐ-UBND	*An Định, ngày 05 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Sửa chữa đường vào Cầu Cổ Cò

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN ĐỊNH

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư 36/2026/TT-BXD; Thông tư 37/2026/TT-BXD; Thông tư 38/2026/TT-BXD; Thông tư 40/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã An Định về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện dự án Sửa chữa đường vào Cầu Cổ Cò;

Căn cứ Công văn số 12/PKT-TTĐ ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Tổ Thẩm định phòng Kinh tế xã An Định về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Sửa chữa đường vào Cầu Cổ Cò;

Theo đề nghị Quyền Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 271/TTr-PKT ngày 05 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa đường vào Cầu Cổ Cò với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa đường vào Cầu Cổ Cò.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Nhóm C; công trình giao thông đường bộ, cấp IV, thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn, cấp C; thời hạn sử dụng công trình: Đường Bê tông khoảng 10 năm.

3. Mã định danh: 8626413639400.

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm không chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

4.1. Địa điểm xây dựng dự án: xã An Định, tỉnh Vĩnh Long.

- Đầu tuyến Km0+000: giáp đường ĐX.01;

- Cuối tuyến Km0+422,5: giáp đường vào cầu Cổ Cò (phía mố B).

4.2. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 0,23 ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Định.

6. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã An Định.

7. Nhà thầu khảo sát lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Huỳnh Thuỷ, mã số doanh nghiệp: 1301118663.

8. Mục tiêu dự án: Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn xã An Định; nâng cao năng lực vận tải, đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Tổng chiều dài tuyến 422,5m, thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn, cấp C; tải trọng trục thiết kế 2,5 tấn/trục; tốc độ tính toán 15 km/h; độ dốc ngang mặt đường 2%, lề đường 4%; độ dốc taluy 1/1,5; phần đường chính dài 422,5m; nền đường rộng 3,5m, mặt đường rộng 2,5m; phần cầu (bao gồm đường vào cầu và chiều dài cầu Cổ Cò) dài L=68,69m; nền đường rộng 4,5m, mặt đường rộng 3,5m; lề đường rộng mỗi bên 0,5m; đoạn vuốt, đoạn tẻ kết cấu giống đường chính; phần báo hiệu an toàn giao thông theo quy định.

9.1 Phần đường:

- Phần nền đường: San lấp ao mương bằng cát sông tạo mặt bằng; vị trí mái taluy đường đắp qua ao mương lớn xử lý gia cố mái taluy, đắp tấn đầu ao bằng cừ tràm Øgốc8-10cm, Øngọn ≥ 3,5cm, L=4m/cây, đóng thành 01 hàng, mỗi hàng 10cây/md; đắp đất lề đường đạt độ chặt K ≥ 0,90; đắp cát sông, lu lèn đạt độ chặt K > 0,95.

- Phần mặt đường: Trải CPĐD loại I, Dmax=25mm, K ≥ 0,98, dày 10cm; lót vải nhựa; BTXM đá 1×2 M250 dày 14cm.

- Đường tẻ, đoạn vuốt: Đắp đất lề đường đạt độ chặt K ≥ 0,90; đắp cát sông, lu lèn đạt độ chặt K ≥ 0,95; trải CPĐD loại I, Dmax=25mm , K ≥ 0,98, dày 10cm; lót vải nhựa; BTXM đá 1×2 M250 dày 14cm.

9.2 Phần an toàn giao thông:

Biển báo tam giác phản quang kích thước cạnh L=70cm, biển báo tròn đường kính D=70cm, chiều dày biển báo 3mm. Trụ biển báo bằng ống sắt tráng kẽm Ø90 dày 1,5mm, chiều dài trụ L=3m, đặt dưới móng bằng bê tông đá 1×2 M150 kích thước 40cm×40cm. Cọc tiêu bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200, đặt dưới móng bằng bê tông đá 1×2 M150 kích thước 40cm×40cm. Gờ giảm tốc

rộng 0,2m, dài 2,5m bằng sơn dẻo nhiệt dày 4mm.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu sửa đổi 1:2022 TCCS 41:2022/TCĐBVN theo QĐ số 1365/CĐBVN ngày 30/11/2022;

- Qui trình khảo sát đường ô tô - TCCS31:2020/TCĐBVN;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ QCVN 04:2009/BTNMT;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao QCVN 11:2008/BTNMT;

- Quy phạm khảo sát cho xây dựng – Nguyên tắc cơ bản, tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4419:1987

- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình–Yêu cầu chung.

- TCVN 9401:2012 Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.

- TCVN 4054-2005 – Đường ô tô – yêu cầu thiết kế.

- TCVN 10380:2014 – Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4447-2012 – Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 5574:2018 – Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép–Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu đường ô tô - vật liệu thi công và nghiệm thu.

- TCVN 4453-1995 – Quy phạm thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối.

- TCCS 40:2022/TCĐBVN thi công và nghiệm thu mặt đường BTXM trong xây dựng công trình giao thông.

- Theo TCCS 39:2022/TCĐBVN thiết kế mặt đường bê tông xi măng thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Cùng các qui trình, qui phạm, tiêu chuẩn ngành, các quy định kỹ thuật khác hiện có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Giá trị tổng mức đầu tư: **1.100.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm triệu đồng)*. Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: 952.763.399 đồng

+ Chi phí quản lý dự án: 26.387.117 đồng

+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 107.968.886 đồng

+ Chi phí khác: 6.734.970 đồng

+ Chi phí dự phòng: 6.145.628 đồng

(Kèm theo Bảng tổng hợp dự toán)

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Ngân sách nhà nước (Ngân sách xã chi các hoạt động kinh tế (từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung về xã)).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Địa phương vận động nhân dân đóng góp đất đai, hoa màu và vật kiến trúc; không bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế xã chủ trì, kết hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện và tuân thủ theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Quyền Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ AN ĐỊNH T. VĨNH LONG

Nguyễn Văn Trung